TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/**2025/HS-ST
Ngày: 27-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Thanh Vân.**

2/ Bà **Âu Thị Kiều Sương**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Lê Kinh Luân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:** Bà **Trần Thị Hiền Mụi** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 17/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn S, sinh năm 1998, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; T: Không; Q: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc T; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: Không;

Tiền sự: 04 tiền sự;

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3716/QĐ-XPHC ngày 25/3/2020 của Công an xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa đóng phạt.

+ Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 83/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C với thời hạn 03 tháng, chấp hành xong ngày 20/7/2020.

+ Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 27/QĐ-TA ngày 31/8/2020, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tuyên 12 tháng, chấp hành xong ngày 07/6/2021.

+ Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 09/QĐ-TA ngày 07/4/2022, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tuyên 15 tháng, chấp hành xong ngày 30/6/2023.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/8/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Lê Hữu N, sinh năm 1984, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; T: Không; Q: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 05/12; Con ông Lê Văn K (chết) và bà Nguyễn Thị D; Bị cáo có vợ tên Lê Như H, có 01 người con sinh năm 2019. Tiền án: Không;

Tiền sự: 02 tiền sự;

+ Ngày 12/4/2021, bị Công an huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 20.000.000 đồng về hành vi "Khai thác khoáng sản ngoài phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, hành lang bảo vệ luồng; phạm vi luồng hoặc ngoài phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền", chưa thực hiện xong Quyết định xử phạt.

+ Ngày 04/6/2023 bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản", chưa thực hiện xong Quyết định xử phạt.

Nhân thân: Ngày 08/04/2024 bị Công an xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", chưa thực hiện xong Quyết định xử phạt

Bị cáo đang chấp hành án trong vụ án khác. (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bùi Văn L1, sinh năm 1965; Trú tại: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

+ Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1970; Trú tại: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

+ Nguyễn Thị D, sinh năm 1969; Trú tại: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- *Người chứng kiến:*

+ Phùng Văn Đ, sinh năm 1960; Trú tại: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

+ Trần Văn D1, sinh năm 1955; Trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên vào khoảng 13 giờ, ngày 03 tháng 4 năm 2024, Bùi Văn S rủ Lê Hữu N hùn tiền để mua ma túy về cùng sử dụng thì N đồng ý. Sau đó, N đưa cho S 90.000 đồng, S lấy thêm 80.000 đồng của mình rồi dùng điện thoại di động hiệu Nokia gọi đến số 0965320749 cho một người đàn ông tên thường gọi là "Sáu vịt" hỏi mua 170.000 đồng ma túy thì "Sáu vịt" đồng ý bán và hẹn S đến đường hẻm ở ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre để lấy ma túy. Sau khi có ma túy, S đem về phòng ngủ của mình lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế ra bỏ hết túi ma túy vừa mua vào rồi sử dụng. Sau khi sử dụng ma tuý xong, S ra ngoài kêu N vào cùng sử dụng ma túy. Khi S và N sử dụng ma túy được khoảng 20 phút thì lực lượng Công an xã T đến kiểm tra phát hiện nên thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C, tỉnh Bến Tre đến lập biên bản xử lý.

Vật chứng thu giữ:

- Một bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy tự chế là một ly thủy tinh gắn với cổ chai nhựa có nắp màu đỏ, điểm gắn với nhau được quấn băng keo màu đen, trên nắp chai gắn một nỏ thủy tinh màu trắng có hình mỏ vịt, trong mỏ vịt có dung dịch màu trắng và gắn một ống nhựa màu trắng, trong ly thủy tinh có dung dịch màu trắng được niêm phong trong một phong bì mã số PS2A-062231;

- 01 bật lửa màu xanh có gắn một đoạn kim loại màu trắng được niêm phong trong phong bì có ký hiệu QH;

- 01 dao lam màu trắng, 01 đoạn ống nhựa màu trắng có một đầu được vót nhọn, 01 đoạn ống nhựa màu trắng có 01 đầu màu đen được niêm phong trong phong bì ký hiệu KT;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, model TA-1034, IMEI 1: 354493098814162, IMEI 2: 354495093814162, gắn sim không rõ số thuê bao.

Tại Kết luận giám định số: 3306/KL-KTHS ngày 24/06/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Chất màu trắng dính trong nỏ thuỷ tinh là chất ma tuý, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1736 gam;

- Dung dịch trong suốt có thể tích 8,5 mL, có tìm thấy thành phần ma tuý, loại Methamphetamine. Khối lượng Methamphetamine có trong dung dịch là 0,0030 gam. H1 lại đối tượng giám định: mẫu chất lỏng và chất rắn đã sử dụng hết cho công tác giám định; hoàn lại ly thủy tinh và phễu thủy tinh được niêm phong trong một gói ký hiệu 3306/C09B có chữ ký ghi họ tên của Dương Minh T1, Nguyễn Thị Thu H2 và hình dấu tròn màu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra, Bùi Văn S và Lê Hữu N đã khai nhận hành vi phạm tội. Đối với điện thoại di động hiệu Nokia Sang sử dụng để mua ma túy, quá trình điều

tra xác định của bà Nguyễn Thị Ngọc T (mẹ S), S tự lấy điện thoại bà không biết S lấy đi liên hệ mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C đã trả cho bà T.

Cáo trạng số 23/CT-VKSCT ngày 17/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo Bùi Văn S, Lê Hữu N về *"Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và *"Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Bùi Văn S, Lê Hữu N. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Văn S, Lê Hữu N phạm "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Bùi Văn S từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Bùi Văn S từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

+ Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Bùi Văn S chấp hành hình phạt chung.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Hữu N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Hữu N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

+ Áp dụng Điều 55; 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lê Hữu N chấp hành hình phạt chung.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 gói ký hiệu 3306/C09B có chữ ký ghi họ tên Dương Minh T1, Nguyễn Thị Thu H2 và hình dấu tròn của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh bên trong chứa một ly thủy tinh và một nỏ thủy tinh; 01

bật lửa màu xanh có gắn một đoạn kim loại màu trắng; 01 dao lam màu trắng; 01 đoạn ống nhựa màu trắng có một đầu được vót nhọn, 01 đoạn ống nhựa màu trắng có 01 đầu màu đen.

+ Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã điện thoại di động hiệu Nokia cho bà Nguyễn Thị Ngọc T

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đồng thời nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D, người chứng kiến vắng mặt. Các bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử và đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292; 293 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phù hợp với nội dung cáo trạng và tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra như: biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản ghi lời khai người chứng kiến; kết luận giám định. Từ đó, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre lực lượng Công an xã T phối hợp với Công an huyện C, tỉnh Bến Tre phát hiện Bùi Văn S cùng Lê Hữu N có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng: 0,1766 gam.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo là để có được chất ma túy sử dụng đã cùng nhau hùn tiền để mua ma túy và cùng nhau chuẩn bị địa điểm, công cụ để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác. Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện việc đưa ma túy vào cơ thể người khác bao gồm S và N. Ngoài việc cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo S, bị cáo N nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là trái pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích sử dụng, để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, số ma túy loại Methamphetamine, khối lượng: 0,1766 gam (số ma túy các bị cáo hùn tiền mua về

sử dụng còn lại). Từ các lẽ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Bùi Văn S, Lê Hữu N phạm "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại khoản 1 Điều 255 và "Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo N có con nhỏ chưa thành niên, bị cáo S có cha ruột có công cách mạng (tham gia nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia) theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tội tàng trữ trái phép chất ma túy nên phải bị xử lý theo chế định đồng phạm. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự tổ chức, không có cấu kết chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo N hùn tiền, bị cáo S giữ vai trò rủ rê, đi mua ma túy, chuẩn bị địa điểm, công cụ để sử dụng ma túy nên chịu hình phạt cao hơn bị cáo N.

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây khó khăn cho công tác kiểm soát chất ma tuý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không chỉ ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương nơi bị cáo phạm tội, mà còn gây tâm lý bất an cho quần chúng nhân dân, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng cùng nhân thân xấu của các bị cáo, nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là phù hợp quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Do bị cáo Bùi Văn S, Lê Hữu N phạm hai tội danh trong lần xét xử này nên cần tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo Bùi Văn S, Lê Hữu N chấp hành hình phạt chung là phù hợp quy định Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2024/HS-ST ngày 22/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử bị cáo 01 năm 06 tháng tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" đã có hiệu lực pháp luật nên cần tổng hợp với hình phạt trong vụ án này buộc bị cáo Lê Hữu N chấp hành hình phạt chung theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 gói ký hiệu 3306/C09B được dán giấy niêm phong ngày 11/7/2024có chữ ký ghi họ tên Dương Minh T1, Nguyễn Thị Thu H2 và hình dấu tròn của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh bên trong chứa một ly thủy tinh và một nỏ thủy tinh; 01 bật lửa màu xanh có gắn một đoạn kim loại màu trắng; 01 dao lam màu trắng; 01 đoạn ống nhựa màu trắng có một đầu được vót nhọn, 01 đoạn ống nhựa màu trắng có một đầu màu đen là dụng cụ sử dụng ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Đối với Việc S và N thực hiện hành vi phạm tội tại nhà của ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc T nhưng ông L, bà T không biết; việc S sử dụng điện thoại của bà T để liên hệ mua ma túy, bà T không biết; bà D cho tiền bị N nhưng không biết bị N lấy tiền để mua ma túy; nên không đề cập xử lý ông L, bà T, bà D là phù hợp.

[11] Đối với đối tượng Huỳnh Văn T2 (tên thường gọi Sáu V), sinh năm: 1976 ngụ ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre là người đã bán ma túy cho các bị cáo. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành xác minh nhưng hiện T2 không có mặt ở địa phương. Ngoài lời khai của các bị cáo thì không có chứng cứ nào khác để chứng minh T2 bán ma túy cho các bị cáo. Do đó, đề nghị Cơ quan Công an có thẩm quyền tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn S, Lê Hữu N phạm *"Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý" và "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý".*

[1] *Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:*

Xử phạt bị cáo Bùi Văn S **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù về *"Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý".*

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn S **02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng** tù về *"Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý".*

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội danh; buộc bị cáo Bùi Văn S chấp hành hình phạt chung là **03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

[2] *Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:*

Xử phạt bị cáo Lê Hữu N **01 (một)** năm tù về *"Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Hữu N **02 (Hai)** năm tù về *"Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*.

Căn cứ Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội danh; tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2024/HS-ST ngày 22/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Buộc bị cáo Lê Hữu N chấp hành hình phạt chung là **04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/5/2024.

[3] *Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:*

Xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 gói ký hiệu 3306/C09B được dán giấy niêm phong ngày 11/7/2024 có chữ ký ghi họ tên Dương Minh T1, Nguyễn Thị Thu H2 và hình dấu tròn của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh bên trong chứa một ly thủy tinh và một nỏ thủy tinh; 01 bật lửa màu xanh có gắn một đoạn kim loại màu trắng; 01 dao lam màu trắng; 01 đoạn ống nhựa màu trắng có một đầu được vót nhọn, 01 đoạn ống nhựa màu trắng có một đầu màu đen là dụng cụ sử dụng ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre)

[4] *Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*; *Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Bùi Văn S, Lê Hữu N mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

[5] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bến Tre (1b)
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND Tiên Long (1b);
- Những người tham gia tố tụng (5b);
- Lưu: HS vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền